



BIỂU PHÍ NĂM HỌC 2026 - 2027
CÁC LỚP 10, 11 & 12
(Áp dụng từ 01/7/2026)

A. HỌC PHÍ

1) Học phí các lớp theo chương trình chất lượng cao và chương trình cơ bản

BẢNG HỌC PHÍ CÁC LỚP (ĐỒNG/THÁNG)							
TIÊU CHÍ XÉT ƯU ĐÃI TỪNG CHƯƠNG TRÌNH		LỚP 10 CƠ BẢN (MỘT BUỔI)		LỚP 10 CHẤT LƯỢNG CAO (HAI BUỔI)		LỚP 11	LỚP 12
KẾT QUẢ XẾP LOẠI CUỐI NĂM	TỔNG ĐIỂM THI TS 10 NĂM 2026	% Ưu đãi	Cơ bản 1 buổi	% Ưu đãi	Chất lượng cao (hai buổi)	Hai buổi	Hai buổi
		100%	1.700.000	100%	4.900.000	3.500.000	3.500.000
Xếp loại Xuất sắc	Từ 20 điểm trở lên	50%	850.000	50%	2.450.000	2.160.000	2.275.000
Xếp loại Giỏi		40%	1.020.000	50%	2.450.000	2.275.000	2.450.000
Xếp loại Khá	Từ 15 điểm trở lên	30%	1.190.000	40%	2.940.000	2.450.000	2.625.000
Xếp loại Đạt	Từ 10 điểm trở lên	10%	1.530.000	KHÔNG NHẬN			

2) Chính sách giảm học phí

- Anh chị em ruột học tại trường: giảm thêm 5% học phí tính từ học sinh thứ 2.
- Đóng học phí theo học kỳ: giảm thêm 5% học phí; đóng học phí cả năm: giảm thêm 10% học phí.

3) Chính sách hoàn học phí

- Hoàn lại 50% tất cả các khoản phí đã thu khi học sinh chưa vào học hoặc học dưới 7 ngày.
- Học sinh nghỉ học, rút hồ sơ chỉ được hoàn lại tiền ăn mà không hoàn lại các khoản phí khác.

B. CÁC KHOẢN PHÍ KHÁC

1) Phí giữ chỗ:

- Đối với học sinh đăng ký chương trình cơ bản và hai buổi: 2.000.000 đồng/học sinh.
- Đối với học sinh đăng ký chương trình chất lượng cao: 5.000.000 đồng/học sinh.
- Phí sẽ được khấu trừ khi đóng các khoản phí nhập học đầu năm.

Lưu ý: Trường hợp học sinh không học sẽ không được hoàn lại.

2) Phí suất ăn:

BẢNG PHÍ SUẤT ĂN THEO DIỆN HỌC

Phí suất ăn/1 học sinh	Bán trú	Nội trú	Tiểu học
Sáng: 30.000 đồng/phần		X	
Trưa : 35.000 đồng/phần	X	X	X
Chiều : 35.000 đồng/phần		X	
Xé : 20.000 đồng/phần			X
Tổng phí ăn trong tháng	910.000 đồng/tháng	2.600.000 đồng/tháng	1.210.000 đồng/tháng

Lưu ý: Phí suất ăn tính theo từng tháng, thay đổi theo thị trường và tháng 31 ngày sẽ cộng thêm một ngày.

* Hoàn phí suất ăn:



- Nếu nghỉ học theo kế hoạch (Lễ – Tết) từ 02 ngày trở lên được hoàn phí suất ăn theo từng ngày cụ thể.
- Nếu ngưng sử dụng suất ăn với lý do chính đáng phải báo cho nhà trường (có đơn xin phép). Phí suất ăn nếu được hoàn sẽ hoàn theo đúng phí đã thu.

3) **Phí cơ sở vật chất, quản học và ở lại cuối tuần:**

PHÍ CỐ ĐỊNH	NỘI TRÚ	BÁN TRÚ – HAI BUỔI	MỘT BUỔI
CƠ SỞ VẬT CHẤT (đồng/tháng)	360.000	180.000	100.000
QUẢN HỌC TỐI (đồng/tháng)	1.000.000		
Ở LẠI CUỐI TUẦN (đồng/ngày)	150.000		

4) **Phí kí túc xá:**

BÁN TRÚ	NỘI TRÚ
500.000 đồng/tháng Đã bao gồm phí điện nước	1.300.000 đồng/tháng Đã bao gồm phí điện, nước và giặt ủi

Tiêu chuẩn phòng: Toàn bộ phòng kí túc xá được trang bị máy lạnh

5) **Phí xe đưa đón (bán kính 20 km): 1.500.000 đồng/tháng** (chỉ áp dụng khi đăng ký).

- Đóng theo tháng. Khi ngưng sử dụng dịch vụ phải báo trước cho nhà trường tối thiểu 10 ngày. Phí đưa đón sẽ không hoàn lại.
- Miễn phí đưa đón khi học sinh tập trung tại điểm trường Mầm non Song ngữ Âu Việt Mỹ hoặc trường THCS An Thới (từ 5 học sinh trở lên).

6) **Phí chương trình hoạt động giáo dục và trải nghiệm:** tùy tình hình thực tế, sẽ thông báo khi có kế hoạch.

7) **Phí đồng phục:** Phí tổng sẽ được tính khi phụ huynh đã chọn số lượng đồng phục và phụ kiện đầy đủ.

STT	Loại đồng phục	Đối tượng		Đơn vị	Giá tiền (nghìn đồng)
		Giới tính	Khối học		
1	Đồ Vest	Nam/Nữ	THPT	Bộ	680
2	Quần tây	Nam/Nữ	Như trên	Cái	190
3	Váy	Nữ	Như trên	Cái	130
4	Quần váy	Nữ	TH, THCS	Cái	145
5	Thẻ dục	Nam/Nữ	TH, THCS, THPT	Cái	190
6	Balo Âu Việt Mỹ	Nam/Nữ	Như trên	Cái	260
7	Quần Kaki	Nam/Nữ	Như trên	Cái	295
8	Áo thun cá sấu	Nam/Nữ	Như trên	Cái	190
9	Sơ mi	Nam/Nữ	Như trên	Cái	185
10	Giày	Nam/Nữ	Như trên	Đôi	400
11	Sandal Nữ	Nữ	Như trên	Đôi	330
12	Sandal Nam	Nam	Như trên	Đôi	300
13	Phụ kiện - Thắt lưng	Nam	Như trên	Cái	295
14	Phụ kiện - Cầu Vai	Nam/Nữ	Như trên	Cặp	35
15	Phụ kiện - Cavat	Nam/Nữ	Như trên	Cái	55